

Phụ lục 4
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Số cán bộ, công chức hiện có	Trong đó				Chia theo ngạch công chức					Trình độ học vấn							Học hàm		Trình độ lý luận chính trị					Tin học			Ngoại ngữ					Tiếng dân tộc		Chia theo độ tuổi					Ghi chú
				Đảng viên	Nữ	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Giáo sư	Phó giáo sư	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Chứng chỉ	Tiếng Anh			Ngoại ngữ khác		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi	
																														Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLN NVN	Chứng chỉ khác	Đại học trở lên	Chứng chỉ khác								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
	TỔNG CỘNG	37	32	29	8	11	0	0	4	26	2	0	0	4	27	1	0	0	0	0	0	0	7	22	3	0	0	0	31	0	0	23	0	0	7	8	0	15	16	0	0	0
1	Lãnh đạo HĐND, Ban HĐND	5	4	4	1	2	0		1	3	0			2	2								3	1	0				4							2		3	1			
2	Lãnh đạo UBND	3	3	3	0	0	0		2	1	0			1	2								2	1	0				3			3			3	3		0	3	0		
3	Văn phòng HĐND và UBND	6	5	4	2	2	0		0	5	0			0	5									3	2				5			5					0	5	0			
4	Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	7	5	5	1	0	0		1	4	0			1	4								1	4	0	0			5			1			2	1		1	4			
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	7	7	5	2	3	0		0	6	1			0	6	1							1	6					6			6			1	1		3	3			
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	5	5	5	2	2	0		0	5	0			0	5									4	1				5			5			1	1		1	4			
7	Công chức thuộc Ban HĐND (nếu có)																																									
8	Ban Chỉ huy quân sự	4	3	3	0	2			0	2	1			0	3									3					3			3						2	1			

Lưu ý: Cột (2) chỉ tổng hợp số cán bộ, công chức cấp xã hiện có, không tổng hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bố trí tạm thời vị trí hỗ trợ công việc theo Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ./.

Phụ lục 5

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC THUỘC UBND CẤP XÃ (BAO GỒM VIÊN CHỨC GIÁO DỤC)

(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

Thứ tự	Tên đơn vị	Số lượng được giao	Số lượng viên chức cấp xã có mặt	Trong đó				Lĩnh vực				Chức danh nghề nghiệp				Học hàm		Trình độ đào tạo																								Chia theo tuổi					
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Giáo dục	Khoa học công nghệ	Khoa học xã hội	Văn hóa, thể thao và du lịch	Lĩnh vực khác	Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Chuyên môn								Chính trị				Tin học			Ngoại ngữ					Tiếng dân tộc		Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi		
																			Tiến sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhâ n	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trun g cấp trở lên	Chứn g chỉ	Tiếng Anh		Khác		Chứng chỉ tiếng dân tộc						Sử dụng giao tiếp được	
																																				Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLNN VN	Chứng chỉ khác	Đại học trở lên								Chứn g chỉ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	41	42	43	44	45	47	48
TỔNG CỘNG		194	173	123	74	51	0	154	0	0	1	4	0	13	149	11	0	0	0	0	1	0	143	23	6	0	0	0	2	19	30	32	5	0	167	9	42	99	0	26	39	62	41	92	30	10	0
IV	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn vị do ngân sách nhà nước cấp)																																														
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7	5	2	3	1	0				1	4			5	1						4			1					2	3			5			5						2	3			
2	Trường MN Hoa Pơ-Niêng	28	26	26	12	13	0	26							25	1						19	6	1					3	12				26				26	7	20	7	12	7				
3	Trường MN Sông Rìn	15	14	14	8	10	0								13							10	4	0					2	2	10			14			14			2	12	3	9	2			
4	Trường MN Tú KPan	18	17	17	9	5		17							16	1						11	6						4					17			17			4	4	6	9	1	1		
5	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	37	34	19	10	9	0	34	0	0	0	0	0	3	27	4	0	0	0	0	0	0	28	4	2	0	0	0	1	2	3	0	3	0	30	3		31	0	0	3	3	6	21	5	2	0
6	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	48	44	28	19	7	0	44	0	0	0	0	0	6	36	2	0	0	0	0	1	0	40	2	1	0	0	0	1	3	2	0	1	0	43	3	41	3			16	16	7	25	8	4	
7	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Bua	41	33	17	13	6	0	33	0	0	0	0	0	4	27	2	0	0				31	1	1					3	8	22	1		32	3	1	29			7	7	12	14	4	3		

Lưu ý:

- **Cột (1) số lượng được giao**, chỉ tổng hợp đối với đơn vị được cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước

- **Cột (2)** chỉ tổng hợp số viên chức cấp xã hiện có, không tổng hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bổ trí tạm thời vị trí hỗ trợ công việc theo Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ./.

Phụ lục 6
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CẤP XÃ
THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG						Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)	
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CD, ĐH) ngành học)	Lý luận chính trị					Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12	13	14
1	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)															
1	Phạm Hồng Khuyến	02/06/1976	Nam	Kinh	Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện	01/10/2004 01/10/2005	01.002 - 4,74	Ths. Quản lý kinh tế	ĐH Nông nghiệp		x			CVC	Chủ tịch UBND xã
2	Nguyễn Quyết Chiến	18/09/1977	Nam	Kinh	Bình Châu, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Trưởng phòng Nội vụ	05/02/2002 05/02/2003	01.002 - 4,74		ĐH Nông học		x			CVC	Phó Chủ tịch UBND xã
3	Võ Thế Vinh	27/01/1983	Nam	Cadong	Tây Bình, Tây Sơn, Bình Định	Chủ tịch UBND xã Sơn Mùa	12/10/2010; 12/10/2011	01.003 - 3,66		ĐH Tài chính doanh nghiệp			x		CV	Phó Chủ tịch UBND xã
4	Nguyễn Công Sang	27/06/1988	Nam	Kinh	Tịnh Đông, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Phó Trưởng phòng NN&MT huyện	26/6/2014; 26/6/2015	01.003 - 3,33		Cử nhân Địa lý học			x		CV	Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã
5	Lê Thị Xuân Hoa	13/10/1985	Nữ	Kinh	Nhon Hưng, An Nhơn, Bình Định	Chuyên viên phòng Nội vụ	16/3/2011; 16/3/2012	01.003 - 3,33		Cử nhân Luật			x		CV	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã
6	Đinh Văn Vênh	12/9/1991	Nam	Cadong	Sơn Mùa, Sơn Tây, Quảng Ngãi	Công chức VP-TK	27/11/2020; 27/11/2021	01.003 - 2,34		Đại học kinh tế						Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã
7	Đinh Thị Duân	06/7/1991	Nữ	Cadong	Sơn Mùa, Sơn Tây, Quảng Ngãi	Công chức VP-TK		01.003 - 2,34		Đại học kinh tế phát triển						Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã
8	Đỗ Minh Vương	02/4/1987	Nam	Kinh	Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Công chức VP-TK	02/5/2015; 02/5/2016	01.003 - 3,66		Cử nhân kế toán			x			Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã
9	Phan Huỳnh Sơn	28/06/1982	Nam	Kinh	Tịnh Minh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Trưởng Phòng	14/6/2011	01.002 - 4,74	Ths. QTKD	ĐH Công trình nông thôn, cử nhân kế toán		x			CVC	Trưởng Phòng
10	Từ Tiến Lực	14/03/1984	Nam	Kinh	Tịnh Minh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	ĐUV, PCT UBND xã Sơn Liên	20-10-2016	01.003 - 3,66		Đại Học; Chuyên ngành kế toán			x		CV	Phó Trưởng Phòng

11	Đặng Quốc Phương	02/04/1990	Nam	Kinh	Sơn Giang, Hương Sơn, Hà Tĩnh	ĐUV, PCT UBND xã Sơn Liên	02/02/2015	01.003 - 2,34		ĐH Luật, Vừa học vừa làm			x		CV	Phó Trưởng Phòng
12	Nguyễn Thị An	15-06-1983	Nữ	Kinh	Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Kế toán UBND xã Sơn Liên	25-12-2007	01.003 - 3,66		ĐH; Chuyên ngành Kế toán			x		CV	Chuyên viên
13	Kim Ngọc Văn	03/05/1984	Nam	Kinh	Sơn Thành	Công chức địa chính xây dựng xã Sơn Mùa	13-12-2023	01.003 - 3,00		ĐH Chuyên ngành Quản lý đất đai			x		CV	Chuyên viên
14	Hạ Ngọc Truyền	10-12-1975	Nam	Kinh	Xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh	Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Sơn Tây	30/8/2000 30/8/2001	01.003 - 3,65		ĐH kinh tế - Ngân hàng		x			CVC	ĐUV, Trưởng phòng VH-XH
15	Đinh Văn Lan	04-02-1980	Nam	Ca Dong	Sơn Thành, Sơn Hà	Phó Chủ tịch UBND xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây	30/8/2004; 30/8/2005	01.003 - 3,0		ĐH Quản trị kinh doanh			x		CV	Phó Trưởng phòng VH-XH
16	Đinh Thị Liên	12/02/1988	Nữ	Ca Dong	xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	Phó Chủ tịch UBND xã Sơn Mậu, huyện Sơn Tây	23/01/2013 23/01/2014	01.003 - 3,00		ĐH Luật			x		CV	Phó Trưởng phòng VH-XH
17	Đặng Thị Hiệp	10/10/1988	Nữ	Kinh	xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh	Công chức Văn hoá - Xã hội xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây	5/11/2015 5/11/2016	01.003 - 3.0		ĐH QLNN			x		CV	Công chức phòng VHXX
18	Nguyễn Hào Kiệt	16-7-1981	Nam	Kinh	TT Di lãg, huyện Sơn Hà	Công chức Văn hoá - Xã hội xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	0	01.003 - 3,33		ĐH QLNN			x		CV	Công chức phòng VHXX
19	Phạm Văn Minh	06-08-1989	Nam	Hre	xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	Công chức Văn hoá - Xã hội xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	23/4/2018 23/4/2019	01.004 - 3,34		CĐ Tài chính - Kế toán			x			công chức phòng Văn hóa - Xã hội
20	Phan Thanh Khánh	03/04/1978	Nam	Kinh	xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Viên Chức, Trung tâm TT-VH-TT	05/04/2012.	13096 - 3,86		ĐH, Cử nhân Luật			x			công chức phòng Văn hóa - Xã hội
21	Nguyễn Xuân Thọ	20/10/1977	Nam	Kinh	Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Phó trưởng phòng tài chính huyện	26/01/2007	01.003 - 4,65		Đại học QTKD- chuyên ngành kế toán		Đang học CC			CV	ĐUV, Phó Giám đốc trung tâm phục vụ hành chính công xã Sơn Tây Thượng
22	Đinh Tấn Khương	22/12/1979	Nam	Cadong	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Chuyên phòng Tư pháp huyện	24/03/2011	01.003- 3,33		Đại học Luật - Chuyên ngành luật			x		CV	Chuyên viên Trung tâm Hành chính công xã Sơn Tây Thượng
23	Nguyễn Thị Chung	20/11/1985	Nữ	Kinh	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Công chức tư pháp hộ tịch xã Sơn Liên	26/03/2011	01.003 - 3,66		Đại học Luật- Chuyên ngành Luật			Đang học TTCT		CV	Chuyên viên Trung tâm Hành chính công xã Sơn Tây Thượng
24	Đinh Văn Ương	01-12-1992	Nam	Cdong	Xã SơnMùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Công chức Tư pháp hộ tịch xã Sơn Mùa	21/03/2013	01.003 - 2,34		Đại học Luật- Chuyên ngành Luật			x		CV	Chuyên viên Trung tâm Hành chính công xã Sơn Tây Thượng
25	Nguyễn Thị Bích Hiệp	26/06/1988	Nữ	Kinh	xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Chuyên viên Hội Nông dân huyện	26/03/2016	01.00 - 3,66		Đại học Kinh tế - chuyên ngành kế toán			x		CV	Chuyên viên Trung tâm Hành chính công xã Sơn Tây Thượng
26	Phan Đình Trọng	12/10/1981	Nam	Kinh	Xã Tịnh Thọ huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	HUV, Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Sơn Tây	27/8/2008	01.002 - 5,08	Ths. Chính sách công	Đại học Ngữ văn, hệ chính quy		x			CVC	Phó Chủ tịch HĐND xã Sơn Tây Thượng

27	Phạm Ngọc Hải	25/6/1988	Nam	Kinh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đảng ủy viên, PCT HĐND xã Sơn Liên	23/5/2011	01.003 - 3,66	Ths. Quản lý kinh tế	ĐH Luật		x			CV	Phó Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Sơn Tây Thượng
28	Đinh Thị Riết	11/9/1987	Nữ	Cdong	xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Đagr ủy viên, Phó CT UBND xã Sơn Bua	05/02/2015	01.003 - 3,00		ĐH Quản lý Nhà nước			x		CV	Phó Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Sơn Tây Thượng
29	Đinh Văn Nguyên	14/5/1983	Nam	Cdong	xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	UV Ban Thường vụ, Phó Bí thư Đảng ủy xã Sơn Liên	10/6/2005	01.003 - 3,00		ĐH Hành chính		x			CV	Phó Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã Sơn Tây Thượng
	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã															
30	Nguyễn Hồng Tiến	26-06-1992	Nam	Kinh	xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi	CHT BCH Quân sự xã Sơn Bua	27/6/2016-27/6/2017	01.003. Hệ số 2,67		Đại học Quân sự cơ sở			x			CHT BCH Quân sự xã Sơn Tây Thượng
31	Đinh Văn Mua	05-09-1995	Nam	Ca dong	xã Tây Thượng, tỉnh Quảng Ngãi	CHT BCH Quân sự xã Sơn Mùa	13/12/2019-13/12/2020	01.003. Hệ số 2,34		Đại học Quân sự cơ sở			x			PCH Trưởng BCH.Quân sự xã Sơn Tây Thượng
32	Đinh Văn Phương	04-01-1983	Nam	Ca dong	xã Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	CHT BCH Quân sự xã Sơn Tân	29/5/2010-29/5/2011	01.004. Hệ số 3,36		Đại học Quản lý Nhà Nước			x		CV	Trợ lý BCH.QS xã Sơn Tây Thượng
III	Viên chức (không bao gồm giáo dục, y tế)															
1	Nguyễn Thanh Luyến	12/12/1980	Nam	Kinh	Xã Mô Cày, tỉnh Quảng Ngãi	Phó Giám đốc Trung tâm DVNN	15/3/20217	V.03.05.1 4 - 2,67		ĐH, Bác sỹ Thú y			x		CV	Giám đốc, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
2	Lê Văn Phúc	30/8/1987	Nam	Kinh	xã Trường Giang, Quảng Ngãi	Viên chức,Trung tâm DVNN	19/12/2023	V.03.04.1 1 - 3,33		ĐH, Kỹ sư Chăn nuôi thú y				x		Viên chức, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
3	Đỗ Hoàng Y	15/8/1989	Nam	Kinh	xã Trường Giang, Quảng Ngãi	Viên chức,Trung tâm DVNN		V.03.01.0 2 - 3,33		ĐH, Kỹ sư Nông học				x		Viên chức, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
4	Nguyễn Thị Nương	02/08/1976	Nữ	Kinh	xã Trường Giang , tỉnh Quảng Ngãi	Viên Chức, Trung tâm TT-VH-TT		01.003 - 3,99		ĐH, Kinh tế				x		Viên chức, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
5	Đồng Việt Hòa	26/6/1975	Nam	Kinh	xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Viên Chức, Trung tâm TT-VH-TT	12-09-2010	13096 - 3,26		TC, Kỹ thuật viên				x		Viên chức, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
IV	Người lao động, hợp đồng lao động...(không bao gồm người lao động trong đơn vị trường học, y tế)															
1	Đinh Văn Giôn	20-01-1989	Nam	Cadong	xã Sơn Tây Thượng, tỉnh Quảng Ngãi	Cán bộ không chuyên trách xã Sơn Bua	24-12-2019			Trung cấp Công an; ĐH Luật			x			Văn phòng HĐND&UBND

Ghi chú

15

[illegible]

[illegible]